

Bài 44 : BÀI LUYỆN TẬP 8

I. Kiến thức cần nhớ:

1. Độ tan của một chất trong nước, những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan:

a) Độ tan của một chất trong nước (kí hiệu S) là số gam chất đó tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định

Thí dụ $S_{\text{NaCl}(25^{\circ})} = 36\text{gam}$, có nghĩa là ở 25°C , trong 100 gam nước chỉ có thể hòa tan tối đa là 36 gam NaCl để tạo ra dung dịch NaCl bão hòa

b) Yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của một chất trong nước là **nhệt độ** (đối với độ tan của chất khí trong nước còn phụ thuộc vào **áp suất**)

Thí dụ : $S_{\text{NaCl}(100^{\circ})} = 39,8\text{ g}$

$S_{\text{CO}_2(20^{\circ}\text{C}, 1\text{atm})} = 1,73\text{ g}$

2. Nồng độ dung dịch

a) Nồng độ phần trăm của dung dịch (kí hiệu là $C\%$) cho ta biết số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.

Công thức tính nồng độ phần trăm của dung dịch:

$$C\% = \frac{m_{\text{ct}}}{m_{\text{dd}}} \cdot 100\%$$

Thí dụ: Dung dịch đường 20% cho biết trong 100g dung dịch có hòa tan 20 gam đường.

b) Nồng độ mol của dung dịch (kí hiệu là C_M) cho ta biết số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.

Công thức tính nồng độ mol của dung dịch là:

$$C_M = \frac{n}{V}$$

Thí dụ: Dung dịch H_2SO_4 0,5M cho biết trong 1 lít dung dịch có hòa tan 0,5 mol H_2SO_4

3. Cách pha chế dung dịch như thế nào?

Bước 1: **Tính các đại lượng cần dùng**

Bước 2: **Pha chế dung dịch theo các đại lượng đã xác định**

Thí dụ: Pha chế 200 gam dung dịch NaCl 20%

Bước 1: $m_{\text{NaCl}} = \frac{200 \cdot 20}{100} = 40\text{ gam}$

$m_{\text{H}_2\text{O}} = m_{\text{dd}} - m_{\text{ct}} = 200 - 40 = 160\text{ gam}$

Bước 2: Cách pha chế

- Cân 40 gam NaCl khan cho vào cốc

- Cân 160 gam H_2O (hoặc đong 160 ml nước) cho dần dần vào cốc và khuấy cho đến khi tan hết, ta được 200 gam dung dịch NaCl 20%

II Bài tập vận dụng

Bài 1. Các kí hiệu sau cho chúng ta biết những điều gì ?

a) $S_{\text{KNO}_3(20^{\circ}\text{C})} = 31,6\text{ g}$; $S_{\text{KNO}_3(100^{\circ}\text{C})} = 246\text{ g}$;

$S_{\text{CuSO}_4(20^{\circ}\text{C})} = 20,7\text{ g}$; $S_{\text{CuSO}_4(100^{\circ}\text{C})} = 75,4\text{ g}$;

b) $S_{\text{CO}_2(20^{\circ}\text{C}, 1\text{atm})} = 1,73\text{ g}$; $S_{\text{CO}_2(60^{\circ}\text{C}, 1\text{atm})} = 0,07\text{ g}$;

Câu 2. Hãy tính toán và trình bày cách pha chế:

a) 400 g dung dịch CuSO_4 4%.

